

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 09/2020/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Lâm Hà, ngày 13 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 51/2020/TLST - DS ngày 27 tháng 02 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung các thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trần Trọng N, sinh năm 1969.

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

Bị đơn: Vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh L.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ông Huỳnh Ngọc T tự nguyện nhận trả cho vợ chồng ông Trần Trọng N, bà Nguyễn Thị A số tiền là 96.055.000đ (*Chín mươi sáu triệu, không trăm năm mươi năm ngàn đồng*). Trong đó số tiền gốc là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*), tiền lãi là 26.055.000đ (*Hai mươi sáu triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc T tự nguyện nhận chịu 2.401.000đ (*Hai triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Trọng N, bà Nguyễn Thị A số tiền 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007255 ngày 27/02/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh L(02);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THA dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Hữu Dũng**